TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 619/2020/HC-PT
Ngày 08-10 - 2020
*V/v "*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa****:* Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 398/2019/TLPT-HC ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc: "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 477/2019/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2020/QĐPT-HC ngày 17 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: 6/30A/232 đường N, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1963, trú tại: 129/11 đường C, Phường 17, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền số công chứng 012810 lập ngày 30/11/2015 tại Văn phòng Công chứng Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 86 đường L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Ngọc Anh H – Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B, địa chỉ: 06 đường P, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân quận B (vắng mặt)
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 06 đường P, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Ngọc Anh H - Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B, địa chỉ: 06 đường P, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (Văn bản ủy quyền số 120/GUQ-UBND lập ngày 26/9/2017) (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân quận B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Ngọc P có bà Nguyễn Ngọc K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trong dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng lô 13-14 (giai đoạn II) tại Phường 22, quận B, bà Nguyễn Ngọc P bị thu hồi căn nhà không số (sau nhà số 6/30A tầng trệt khu 30 gian) đường đường N, Phường 22, quận B. Căn nhà này có diện tích 61.4m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 63 (Bản đồ địa chính 2002).

Về nguồn gốc nhà, đất: Năm 1977, Xí nghiệp Nạo vét Trục vớt đường sông II giao cho bà Trần Thu M (mẹ bà P) 12m chiều dài phía sau căn nhà 6/30A khu 30 gian để tăng gia sản xuất. Năm 1984, bà Trần Thu M xây dựng 1 căn bếp, 1 phòng ngủ và 1 nhà vệ sinh. Năm 1985, bà Trần Thu M tách thửa cho bà P và bà P có xây dựng thêm phần sân.

Năm 1999, bà P có đăng ký kê khai nhà đất và được tách thửa trên bản đồ địa chính chính quy. Tại thời điểm đăng ký kê khai nhà đất, bà P do không hiểu biết pháp luật nên chỉ kê khai phần sân, không kê khai phần nhà. Phần nhà này được kê khai chung với diện tích của căn nhà 6/30A khu 30 gian, đường đường N, quận B do bà Trần Thu M đứng tên kê khai. Vì vậy, tờ kê khai nhà đất năm 1999 của bà Trần Thu M có diện tích căn nhà là 87.72m^2.

Ngày 22/9/2011, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B lập Phiếu chiết tính số 90A/P22 trong đó xác định không bồi thường về đất, chỉ hỗ trợ 40% đơn giá nhà ở, công trình và vật kiến trúc.

Ngày 09/02/2012, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 1073/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng, tổng số tiền bà P được bồi thường, hỗ trợ là 66.259.600 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 1073/QĐ-UBND, bà Nguyễn Ngọc P làm đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường nhà, đất bằng 100% đơn giá và được tái định cư tại chỗ. Ngày 13/12/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 8438/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà P có nội dung giữ

nguyên Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của Ủy ban nhân dân quận B và bác toàn bộ đơn khiếu nại của bà P.

Ngày 28/12/2012, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B lập Phiếu chiết tính số 90A/L13-14(BS)-P.22 hỗ trợ thêm đối với phần đất lấn chiếm của bà P với số tiền là 150.000.000 đồng.

Sau khi nhận được Quyết định số 8438/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, bà P tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu được đền bù như nhà thuộc sở hữu tư nhân và được bố trí tái định cư tại chỗ.

Ngày 30/6/2014, bà Nguyễn Ngọc P nhận được Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Ngọc P với nội dung không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Ngọc P đối với yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ theo diện nhà sở hữu tư nhân và được tái định cư theo Phương án tổng thể số 85/PABT-UBND ngày 12/6/2006 của Ủy ban nhân dân quận B, giao Ủy ban nhân dân quận B xem xét hỗ trợ đối với phần nhà đất có diện tích 61.4m^2 (sau nhà 6/30A khu 30 gian) đường đường N, Phường 22, quận B cho bà Nguyễn Ngọc P theo Công văn số 332/UBND-PCNC ngày 22/01/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 11/6/2014, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B lập Phiếu chiết tính số 90A/P.22 hỗ trợ bổ sung về đất cho bà Nguyễn Ngọc P bằng 20% đơn giá đất ở theo phương án.

Ngày 30/7/2014, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 5131/QĐ-UBND về bổ sung Quyết định số 1073/QĐ-UBND, hỗ trợ bổ sung 20% đơn giá đất ở với số tiền là 388.048.000 đồng trong khi đó theo Công văn số 332/UBND-PCNC ngày 22/01/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố thì mức hỗ trợ là 30%.

Ngày 09/11/2016, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9581/QĐ-UBND về điều chỉnh khoản 1.2 Điều 1 Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của Ủy ban nhân dân quận B với nội dung chấp thuận giải quyết cho bà Nguyễn Ngọc P được mua căn hộ chung cư tái định cư tại chỗ.

Nay bà Nguyễn Ngọc P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu được bồi thường như nhà thuộc sở hữu tư nhân. Bà Nguyễn Ngọc P không yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5131/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 và Quyết định số 9581/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận B.

Bà P cho rằng các quyết định về bồi thường, giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân Thành phố không căn cứ vào các văn bản pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, gia đình bà P đã sử dụng ổn định từ năm 1977. Phần đất này là đất thổ cư tập trung không có ai đăng ký, trong quá trình sử dụng bà P không nhận được bất kỳ văn bản ngăn chặn nào của cơ quan nhà nước, không thể coi đây là đất công nên theo quy định

tại khoản 6 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 thì bà P đủ điều kiện để được bồi thường về đất. Bên cạnh đó theo Điều 2 Thông báo số 48/TB-VP ngày 11/3/2011 của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận B về kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận – Hoàng Song Hà trong cuộc họp thường trực Hội đồng bồi thường dự án Khu nhà ở cao tầng lô 13-14 (Giai đoạn II) tại Phường 22, quận B thì đối với các trường hợp tách thửa thuộc khu nhà 30 gian: Giao Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng tham mưu quận văn bản trình Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố xem xét cho hỗ trợ phần diện tích đất lấn chiếm (phía sau dãy nhà chính) theo thời điểm sử dụng như nhà thuộc sở hữu tư nhân, đối với các hộ đã được thể hiện việc tách thửa và đứng tên trên bản đồ địa chính chính quy thì thống nhất lập hồ sơ bồi thường cho từng hộ. Vì vậy, phần đất bị thu hồi của bà P phải được bồi thường như nhà thuộc sở hữu tư nhân. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Căn nhà số 6/30A tầng trệt khu 30 gian có nguồn gốc do Xí nghiệp Nạo vét Trục vớt đường sông II (nay là Công ty Nạo vét đường thủy 2) xây dựng theo giấy phép xây dựng số 038/GPXD/76 ngày 11/10/1976 và giấy phép xây dựng số 056/GPXD/76 ngày 05/11/1976 của Sở Xây dựng Thành phố với diện tích sàn xây dựng mỗi căn hộ là 53m^2.

Ngày 01/10/1986, Công ty X, Trục vớt ban hành quyết định cấp căn hộ số 6A/60 (nay là 6/30A) cho bà Trần Thu M (mẹ bà P) sử dụng.

Trong quá trình sử dụng, bà Trần Thu M đã lấn chiếm thêm phần diện tích 61.4m^2 đất phía sau căn nhà số 6/30A để xây dựng nhà ở không phép.

Ngày 04/9/1999, bà Trần Thu M kê khai nhà, đất tại địa chỉ nêu trên, trong đó ghi nhận nội dung: "Họ tên người đăng ký: Nguyễn Ngọc P, diện tích toàn bộ khuôn viên 34m^2, mục đích sử dụng đất để ở; mục đích sử dụng khác: trồng cây, loại nhà chung cư; đất trống phía sau căn nhà 6/30A/232 tự khai phá tháng 11/1977".

Ngày 11/7/2005, Công ty Nạo vét đường thủy 2 có Công văn số 183/NVĐT2 về việc đền bù giải phóng mặt bằng khu tập thể 60 gian, nhà trẻ, trạm y tế Công ty Nạo vét đường thủy 2 có nêu "đối với khu vực 60 gian ngoài diện tích xây dựng, mỗi hộ dưới đất được ban lãnh đạo cũ của Công ty giao (không bằng văn bản) phần đất nối dài ra 12m phía sau để cải tạo làm kinh tế phụ gia đình".

Ngày 02/6/2009, đại diện Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng, đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường và đại diện Ủy ban nhân dân Phường 22, quận B lập Biên bản xác định nguồn gốc sử dụng đất, mục đích sử dụng đất để đề nghị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ghi nhận nội dung "Theo diện nhà thuộc sở hữu nhà nước (phần diện tích ngoài 53m^2 đất sử dụng tại tầng trệt không bồi thường, hỗ trợ về đất)".

Theo Bản đồ vị trí chập ranh năm 1984 theo tài liệu 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ trên nền Bản đồ địa chính chính quy năm 2002 (thuộc dự án lô 13-14 giai đoạn II) thì phần đất 61.4m^2 (phía sau nhà 6/30A đường đường N,

Phường 22, quận B của bà Trần Thu M) là đất trống, thuộc đất thổ tập trung, bà Minh lấn chiếm thêm từ nhà thuộc sở hữu Nhà nước và không đăng ký tên chủ sử dụng theo quy định. Vì vậy khiếu nại của bà P yêu cầu bồi thường, hỗ trợ theo diện nhà tư nhân bằng 100% giá thị trường và tái định cư tại chỗ là không có cơ sở.

Ngày 22/01/2014, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 332/UBND-NCPC về hỗ trợ đối với phần diện tích đất các căn hộ khu 30 gian thuộc dự án, theo đó chấp thuận đề xuất của Thanh tra Thành phố tại Báo cáo số 502/BC-TTTP-P2 ngày 29/7/2013, có nội dung "…Khu nhà được Công ty Xáng Trục vớt tạm cấp cho cán bộ, công nhân viên là thuộc diện nhà thuộc sở hữu nhà nước nên chỉ được bồi thường 60% đơn giá đất được duyệt. Do đó, phần diện tích lấn chiếm sử dụng thuộc sở hữu nhà nước mà được bồi thường, hỗ trợ theo quy định là không hợp lý. Nhưng do thời điểm các hộ dân lấn chiếm và đưa vào sử dụng phần đất phía sau khu nhà trước ngày 15/10/1993, do đó tính hỗ trợ thêm 30% trên đơn giá được duyệt cho phần đất lấn chiếm là phù hợp thực tế và phù hợp Mục 2 khoản a Điều 7 Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định những trường hợp thu hồi đất mà không bồi thường đưa vào sử dụng trước ngày 15/10/1993 quy định mục đích sử dụng đất là đất ở thì được xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường…".

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Nguyễn Ngọc P. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B có ông Phan Ngọc Anh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B thống nhất với trình bày của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất của bà Nguyễn Ngọc P.

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014, Ủy ban nhân quận B đã ban hành Quyết định số 5131/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 về tính hỗ trợ bổ sung bằng 20% đơn giá đất ở (theo Văn bản xác nhận số 119/UBND ngày 20/5/2014 của Ủy ban nhân dân Phường 22, quận B về thời điểm xây dựng thì phần xây dựng trên diện tích đất 61.4m^2 được xây dựng từ sau tháng 9/1999 đến tháng 03/2002), với số tiền bổ sung là 388.048.000 đồng.

Ngày 09/11/2016, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9581/QĐ-UBND về điều chỉnh khoản 1.2 Điều 1 Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của Ủy ban nhân dân quận B, chấp thuận giải quyết cho bà Nguyễn Ngọc P được mua căn hộ chung cư tái định cư tại chỗ.

Căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất, nhận thấy việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với

phần diện tích đất 61,4m^2 của bà Nguyễn Ngọc P có nguồn gốc lấn chiếm thêm phía sau căn hộ được tạm cấp (nhà thuộc diện sở hữu Nhà nước) là đúng theo quy định. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố bác đơn khởi kiện của bà P.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 477/2019/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Luật Khiếu nại số 02/2011/QH 13 ngày 11 tháng 11 năm 2011; Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

Xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Ngọc P, hủy Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Ngọc P;

Hủy các quyết định có liên quan đến Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

- Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà không số (sau nhà số 6/30A tầng trệt khu 30 gian) đường đường N, Phường 22, quận B của bà Nguyễn Ngọc P;

- Quyết định số 8438/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Ngọc P địa chỉ số 6/30A, đường đường N, Phường 22, quận B;

- Quyết định số 5131/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về bổ sung Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần căn nhà không số (sau nhà số 6/30A tầng trệt khu 30 gian) đường đường N, Phường 22, quận B của bà Nguyễn Ngọc P.

Buộc Ủy ban nhân dân quận B thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ đối với căn nhà không số (sau nhà số 6/30A tầng trệt khu 30 gian) đường đường N, Phường 22, quận B của bà Nguyễn Ngọc P theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 29/5/2019, Ủy ban nhân dân quận B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân quận B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc P, giữ nguyên các quyết định của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ và giải tỏa toàn phần đối với căn nhà không số (sau nhà số 6/30A tầng trệt khu 30 gian) đường đường N, Phường 22, quận B của bà Nguyễn Ngọc P. Với các lý do: Bản án sơ thẩm chưa phù hợp về quy định bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở cao tầng lô 13-14 (giai đoạn 2), Phường 22, quận B. Ngày 01/10/1986, Xí nghiệp nạo vét trục vớt đường sông ban hành quyết định tạm cấp căn hộ số 6/30A cho bà Trần Thu M. Trong quá trình sử dụng, bà Trần Thu M đã lấn chiếm thêm đất trống phía sau (61,4m^2) cho lại bà Nguyễn Ngọc P sử dụng xây dựng nhà không phép sau ngày 15/10/1993. Do đó phần diện tích 61,4m^2 nhà đất không số (phía sau căn hộ số 6/30A tầng trệt khu 30 gian) đường đường N, Phường 22, quận B do bà P sử dụng không đủ điều kiện được bồi thường là đúng quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, phần đất hộ bà P bị thu hồi để thực hiện dự án có nguồn gốc của bà Trần Thu M sử dụng từ năm 1977 sau đó cho bà P sử dụng để ở, thuộc loại đất thổ tập trung không có người đăng ký, trong quá trình sử dụng đến khi bị thu hồi không có tranh chấp. Như vậy, có cơ sở xác định phần đất trên được sử dụng vào mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993 nên đủ điều kiện để bồi thường theo quy định tại Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, khoản 6 Mục B phần II của Phương án bồi thường 110/PA-UBND ngày 13/4/2009. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân quận B chỉ hỗ trợ cho bà P mà không bồi thường về đất là chưa đúng quy định của pháp luật. Do đó, các Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của Ủy ban nhân dân quận B, Quyết định số 8438/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 5131/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Ủy ban nhân dân quận B có nội dung giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Ngọc P là chưa đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân quận B; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân quận B, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

- *Về đối tượng khởi kiện:* Bà Nguyễn Ngọc P khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật tố tụng hành chính 2010.

Mặc dù bà P không khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính có liên quan đến Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 nêu trên bao gồm: Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của Ủy ban nhân dân quận B; Quyết định số 8438/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B; Quyết định số 5131/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ và giải tỏa toàn phần đối với căn nhà không số (sau nhà số 6/30A tầng trệt khu 30 gian) đường đường N, Phường 22, quận B của bà Nguyễn Ngọc P. Tuy nhiên, Tòa án vẫn xem xét tính hợp pháp của các quyết định này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Quyết định số 3242/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại được ban hành ngày 30/6/2014. Ngày 29/7/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc P. Ngày 25/9/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chuyển đơn của bà Nguyễn Ngọc P về Tòa án nhân dân quận B. Ngày 09/7/2015, Tòa án nhân dân quận B chuyển đơn khởi kiện của bà P đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 03/9/2015, bà Nguyễn Ngọc P làm lại đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện của bà P vào ngày 04/9/2015. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 và Điều 1 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính 2010.

- *Về thời hạn kháng cáo:* Ngày 24/5/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân quận B kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 477/2019/HC-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của quyết định bị khởi kiện.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Ngày 09/02/2012, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 1073/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và giải tỏa toàn phần đối với căn nhà không số (sau nhà số 6/30A tầng trệt khu 30 gian) đường đường N, Phường 22, quận B của bà Nguyễn Ngọc P. Không đồng ý với quyết định nêu trên, bà Nguyễn Ngọc P khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B. Ngày

13/12/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 8438/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Ngọc P địa chỉ số 6/30A, đường đường N, Phường 22, quận B. Sau đó bà P tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30/6/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3242/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Ngọc P là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành theo quy định tại Điều 21, Điều 36 đến Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung của các quyết định:

[2.2.1] Về nguồn gốc phần nhà, đất không số có diện tích 61.4m^2 nằm phía sau nhà 6/30A đường đường N, Phường 22, quận B:

Năm 1977, cha của bà P là ông Nguyễn Văn Lang đã hoán đổi căn nhà số 111E cư xá Cg, Phường 12, quận B để nhận căn nhà số 6A/60 gian, Phường 22,quận B. Năm 1986, ông Nguyễn Văn Lang và bà Trần Thu M ly hôn nên Xí nghiệp Nạo vét Trục vớt đường sông II ra quyết định thu hồi căn nhà số 6A/60 gian đã cấp trước đây cho ông Nguyễn Văn L, đồng thời ra quyết định cấp căn nhà trên cho bà Trần Thu M. Sự việc trên được thể hiện qua các tài liệu gồm: Quyết định số 140/HCQT ngày 29/11/1977 của Giám đốc Công ty X, Trục vớt về việc cấp nhà cho cán bộ, công nhân viên Công ty; Quyết định ngày 01/10/1986 của Xí nghiệp Nạo vét Trục vớt đường sông II về việc thu hồi căn nhà 6A/60 gian thuộc cư xá của Xí nghiệp trước đây đã cấp cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thu M; Quyết định công nhận việc thuận tình ly hôn số 124/TL ngày 14/7/1986 của Tòa án nhân dân quận B công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thu M; Quyết định ngày 01/10/1986 của Giám đốc Xí nghiệp Nạo vét Trục vớt đường sông II cấp căn nhà số 6A thuộc cư xá của Xí nghiệp đóng tại Phường 22, quận B cho bà Trần Thu M.

Ngoài ra, tại tờ đăng ký nhà đất ngày 04/9/1999 đứng tên người kê khai là bà Trần Thu M đã kê khai quá trình tạo lập, sử dụng nhà đất nhà 6/30A là từ năm 1977 và tại Tờ đăng ký nhà đất ngày 04/9/1999 đứng tên người kê khai bà Nguyễn Ngọc P khai quá trình tạo lập, sử dụng phần đất phía sau nhà 6/30A là tự khai phá từ năm 1977, mục đích sử dụng đất là để ở. Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định gia đình bà P đã sử dụng phần đất phía sau nhà 6/30A từ năm 1977, mục đích sử dụng là để ở. Trên phần đất 61.4m^2 bà Minh xây dựng 1 nhà bếp, 1 phòng ngủ và 1 nhà vệ sinh. Năm 1985, bà Trần Thu M tách thửa cho con là bà Nguyễn Ngọc P.

Theo Bản đồ địa chính chính quy đo vẽ lập năm 2003 thì phần đất có diện tích 61.4m^2 phía sau nhà 6/30A đường N, Phường 22, quận B thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 63 và do bà Nguyễn Ngọc P đứng tên chủ sử dụng. Theo Bản đồ vị trí chập ranh năm 1984 theo tài liệu 299/TTg của Chính phủ trên nền bản đồ địa chính chính quy năm 2002 và trên Sổ đăng ký ruộng đất ngày 28/12/1984 (theo tài liệu 299/TTg) thể hiện phần đất phía sau nhà 6/30A thuộc thửa 168, tờ bản đồ số 2 là đất trống, thuộc đất thổ tập trung và không có tên người đăng ký sử dụng. Như vậy, phần đất trên không phải do Xí nghiệp Nạo vét Trục vớt đường sông II đăng ký, sử dụng. Vì không có người đăng ký sử dụng nên không có căn

cứ xác định gia đình bà P đã lấn chiếm phần đất có diện tích 61.4m^2 phía sau nhà 6/30A đường N, Phường 22, quận B từ nhà thuộc sở hữu Nhà nước. Mặt khác, trong quá trình sử dụng phần đất phía sau nhà 6/30A đường N, Phường 22, quận B, gia đình bà P không bị xử lý về hành vi lấn chiếm đất đai. Như vậy, có căn cứ xác định gia đình bà Nguyễn Ngọc P đã về ở, sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp căn nhà không số phía sau nhà 6/30A đường đường N, Phường 22, quận B từ năm 1977.

[2.2.2] Về nội dung bồi thường, hỗ trợ

Từ những căn cứ trên, xét thấy hộ bà Nguyễn Ngọc P đã đăng ký kê khai, sử dụng đất ổn định từ năm 1977, mục đích sử dụng là để ở nên không thuộc trường hợp lấn chiếm đất quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Căn cứ theo quy định tại Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ thì trường hợp thu hồi đất của bà Nguyễn Ngọc P đủ điều kiện được bồi thường về đất và các chính sách khi thu hồi đất theo quy định.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và các quyết định liên quan bao gồm: Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của Ủy ban nhân dân quận B; Quyết định số 8438/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B; Quyết định số 5131/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Ủy ban nhân dân quận B không bồi thường về đất cho bà P là chưa đúng quy định của pháp luật nên cần phải hủy bỏ.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân quận B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân quận B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Ngọc P, hủy Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Ngọc P;

Hủy các quyết định có liên quan đến Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

- Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà không số (sau nhà số 6/30A tầng trệt khu 30 gian) đường đường N, Phường 22, quận B của bà Nguyễn Ngọc P;

- Quyết định số 8438/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Ngọc P địa chỉ số 6/30A, đường đường N, Phường 22, quận B;

- Quyết định số 5131/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về bổ sung Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần căn nhà không số (sau nhà số 6/30A tầng trệt khu 30 gian) đường đường N, Phường 22, quận B của bà Nguyễn Ngọc P.

Buộc Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân quận B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0025854 ngày 07/6/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh(1);
- TAND TP Hồ Chí Minh(1);
- VKSND TP Hồ Chí Minh(1);
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh (1);
- Người khởi kiện(1);
- Người bị kiện(1);
- Lưu hồ sơ(1),VP(3),13b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**